Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4002.59.10

Mã HS	4002.59.10
Mô tả hàng hóa	Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải; hỗn hợp của một sản phẩm bất kỳ của nhóm 40.01 với một sản phẩm bất kỳ của nhóm này, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su acrylonitril-butadien (NBR): / - - Loại khác: / - - - Dạng nguyên sinh
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 22:58:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/40025910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6344
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6344
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6344
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP	1	1%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM6344
Thuế XK ưu đãi EVFTA	1	1%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP6344
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	1	1%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS6344

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6133
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6094
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6094
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6094
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6094
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6094
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6094
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6138
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6138
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6138
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6138

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6138
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6138
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6136
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6136
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6136
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6136
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6136
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6136
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6144
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6100
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6096
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6096
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6096
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6096
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6096
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6096
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6120
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6120
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6120
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6120
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6120
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6120
VCFTA	2022	2022	0	VC!D6162
VCFTA	2023	2023	0	VC!E6162
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6162
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6162

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6162
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6162
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6147
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6147
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6147
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6147
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6147
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6147
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6150
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6150
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6150
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6150
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6150
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6150
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D6135
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6135
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6135
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6135
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6135
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6135
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D6137
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6137
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6137
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6137
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6137
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6137

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6122
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6122
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6122
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6122
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6122
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6122
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6122
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6140
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6140
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6140
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6140
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6140
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6140
RCEP B	2022	2022	0	B!D6140
RCEP B	2023	2023	0	B!E6140
RCEP B	2024	2024	0	B!F6140
RCEP B	2025	2025	0	B!G6140
RCEP B	2026	2026	0	B!H6140
RCEP B	2027	2027	0	B!I6140
RCEP C	2022	2022	0	C!D6140
RCEP C	2023	2023	0	C!E6140
RCEP C	2024	2024	0	C!F6140
RCEP C	2025	2025	0	C!G6140
RCEP C	2026	2026	0	C!H6140
RCEP C	2027	2027	0	C!I6140
RCEP D	2022	2022	0	D!D6140

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E6140
RCEP D	2024	2024	0	D!F6140
RCEP D	2025	2025	0	D!G6140
RCEP D	2026	2026	0	D!H6140
RCEP D	2027	2027	0	D!I6140
RCEP E	2022	2022	0	E!D6143
RCEP E	2023	2023	0	E!E6143
RCEP E	2024	2024	0	E!F6143
RCEP E	2025	2025	0	E!G6143
RCEP E	2026	2026	0	E!H6143
RCEP E	2027	2027	0	E!I6143
RCEP F	2022	2022	0	F!D6140
RCEP F	2023	2023	0	F!E6140
RCEP F	2024	2024	0	F!F6140
RCEP F	2025	2025	0	F!G6140
RCEP F	2026	2026	0	F!H6140
RCEP F	2027	2027	0	F!I6140
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5682
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5682
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5682
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5682

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4002.59 có 2 dòng thuế; dòng 4002.59.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dạng nguyên sinh.	4002.59.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4002.59.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4002.59.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6344), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.